TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ HN** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – HạnhP**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống

Các Hội thẩm nH dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;

2. Ông Trần Duy Hồ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nH dân thành phố HN.

- Đại D Viện kiểm sát nH dân thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nH dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Phương H, sinh năm 1989 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm T, phường L, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1985 (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2);

Nơi cư trú: Khóm T, phường L, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Phương H trình bày: Vào năm 2009, chị và anh D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, hôn nH không có tìm hiểu trước mà do mai mối. Sau khi sinh được đứa con đầu, cuốc sống vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh D bắt đầu có những tật xấu như thường xuyên đi nhậu, mỗi khi nhậu say về vợ cH hay cự

cải, anh D ghen tuông vô cớ. Chị nghĩ do anh D say rượu nên nhịn, nhưng càng ngày anh D càng không sửa đổi mà lại thường xuyên đánh đập chị. Chị có báo Công an phường AL để giải quyết, Công an phường có mời anh D làm việc và lập biên bản lấy lời khai về hành vi đánh người. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị và anh D đã sống ly tH hơn 06 tháng nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân vợ chồng đã trầm trọng, đời sống vợ chồngkhông thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Chị và anh D chung sống có 02 con tên Trần ThiệnP, sinh ngày 14/02/2010 và Trần Gia H, sinh ngày 26/02/2012 hiện đang sống chung với chị. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Nhưng nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung vì cả 02 con đều có nguyện vọng sống chung với chị, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con vì chị có khả năng.

Về tài sản chung : Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị cam kết không có ý định tẩu tán tài sản.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Văn D trình bày*: Năm 2009, anh và chị Phan Thị Phương H có tìm hiểu nhau, sau đó được gia đình hai bên đồng ý cho tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTA, huyện HN. Vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng thỉnh thoảng có cự cãi nhau. Nguyên nhân là anh đi làm đem tiền về cho chị H, khi anh cần chi tiêu kêu chị H đưa tiền thì xảy ra cự cãi nhau, lúc đó anh say rượu nên có đánh chị H, nhưng chị H cũng có đánh lại anh. Anh thừa nhận khi cự cãi có đánh chị H hai ba lần, anh không đồng ý ly hôn với chị H vì tình cảm vợ chồngvẫn còn, anh yêu cầu được sống đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị H chung sống có 02 con tên Trần Thiện P, sinh ngày 14/02/2010 và Trần Gia H, sinh ngày 26/02/2012 hiện đang sống chung với chị H. Anh không thống nhất ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Gia H, sinh ngày 26/02/2012, còn cháu Trần Thiện P, sinh ngày 14/02/2010 giao cho chị H nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không thống nhất ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì tài sản tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh cam kết không có ý định tẩu tán tài sản.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại D Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Về

việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Phương H; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Phan Thị Phương H, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Trần ThiệnP, sinh ngày 14/02/2010 và Trần Gia H, sinh ngày 26/02/2012 hiện đang sống chung với chị H, điều này củng phù hợp với nguyện vọng của cháu P và cháu H. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; Về tài sản chung, do chị H và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết và về nợ chung của vợ chồngkhông có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Văn D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Thị Phương H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị Phương H về việc xin ly hôn với anh Trần Văn D, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Phan Thị Phương H và anh Trần Văn D kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Cả chị H và anh D đều thừa nhận trong cuộc sống vợ cH sau khi sinh đứa con đầu đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hay cự cãi nhau và anh D cũng thừa nhận có 02 đến 03 lần anh dùng vũ lực đối với chị H khi vợ cH cự cãi nhau và hiện nay anh, chị đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Xét thấy, tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được, nay chị Phan Thị Phương H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nH và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Trần Văn D.

- Về con chung: Chị H và anh D chung sống có 02 con chung tên Trần ThiệnP, sinh ngày 14/02/2010 và Trần Gia H, sinh ngày 26/02/2012 hiện đang

sống chung với chị H. Nay ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng vì chị có khả năng, anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia H, sinh ngày 26/02/2012, còn cháu Trần ThiệnP, sinh ngày 14/02/2010 giao cho chị H nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 81 của Luật hôn nH và gia đình quy định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:

"2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con "

Căn cứ quy định trên và theo nguyện vọng của cháu Trần Thiện P và Trần Gia H thì nếu cha, mẹ ly hôn nguyện vọng của 02 cháu là muốn được sống chung với chị H, đồng thời từ lúc chị H và anh D sống ly thân đến nay thì cả 02 cháu sống chung với chị H, đã được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và đã sống bình thường ổn định, tình cảm anh em giữa 02 cháu đã gần gũi, gắn bó với nhau và tình cảm của 02 cháu với chị H cũng có nhiều hơn so với anh D, đồng thời căn cứ vào điều kiện kinh tế hiện nay của chị H củng có thu nhập ổn định. Để đảm bảo tốt về mọi mặt và sự phát triển bình thường của cháu Trần Thiện P và Trần Gia H, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H về việc được tiếp tục nuôi 02 con chung là có căn cứ nên chấp nhận, giao 02 cháu Trần ThiệnP và Trần Gia H cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu, anh D có quyền đến thăm nom con chung, chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia H của anh D.

- Về tài sản chung: Chị H và anh D cam kết tài sản chung vợ cH tự thỏa thuận, không có ý định tẩu tán tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh D đều thừa nhận vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ cH, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

Nguyên đơn chị Phan Thị Phương H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0008819 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi

hành án Dân sự thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn anh Trần Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại D Viện kiểm sát nH dân thành phố HN đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Phương H; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị Phan Thị Phương H, chị Phan Thị Phương H tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Trần ThiệnP, sinh ngày 14/02/2010 và Trần Gia H, sinh ngày 26/02/2012 hiện đang sống chung với chị H, anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phan Thị Phương H không yêu cầu; Về tài sản chung, do chị H và anh D thỏa thuận không yêu cầu giải quyết và về nợ chung của vợ cH không có nên không xem xét giải quyết. Xét đề nghị của đại D Viện kiểm sát nH dân thành phố HN là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51,53,56,81,82 và Điều 83 của Luật hôn nH và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Phương H.

Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị Phương H với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Phan Thị Phương H.

Chị Phan Thị Phương H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Trần ThiệnP, sinh ngày 14/02/2010 và Trần Gia H, sinh ngày 26/02/2012 hiện đang sống chung với chị H. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phan Thị Phương H không yêu cầu. Chị Phan Thị Phương H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trần Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Phan Thị Phương H phải chịu tiền án phí hôn nH gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0008819 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, chị Phan Thị Phương H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/4/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống